

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24-11-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nước

2. Ông Phạm Phi Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1972 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Trần Văn M đã trình bày như sau:

- Về hôn nhân: ông và bà Nguyễn Kim L sống chung từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống đến đầu năm 2016 thì xảy ra cự cãi và bà L đã đuổi ông ra khỏi nhà. Từ đó ông và bà L không còn sống chung. Vì

vậy, ông M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà L theo quy định.

- Về con chung: Ông M và bà L có con chung Trần Văn Khánh, sinh ngày 25/9/1991 và Trần Thị Kiều My, sinh ngày 15/10/1996. Do các con đã trưởng thành nên ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông M và bà Linh khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 04 tháng 11 năm 2022, bị đơn bà Nguyễn Kim L đã trình bày như sau:

Bà và ông Trần Văn M không có kết hôn. Hiện ông M đã sống với người phụ nữ khác và ông đã không về nhà ở mấy năm nay. Vì vậy, ông M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà thì Tòa án giải quyết theo quy định còn ý kiến của bà là không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông Trần Văn M khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Kim L. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Kim L có hộ khẩu thường trú tại Khóm A, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Kim L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa và căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Kim L.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà L thống nhất chung sống như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn và ông bà không còn chung sống từ năm 2016. Tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định như sau: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” và “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Như vậy, mặc dù ông M yêu cầu

Toà án giải quyết ly hôn bà L còn bà L có ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng do ông M và bà L không có đăng ký kết hôn nên theo quy định Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn M và bà Nguyễn Kim L.

[5] Về con chung: Ông M và bà L có con chung là Trần Văn Khánh, sinh ngày 25/9/1991 và Trần Thị Kiều My, sinh ngày 15/10/1996. Do các con đã trưởng thành nên không giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông M không có yêu cầu còn bà L thì không có ý kiến nên ghi nhận và không giải quyết.

[7] Về án phí: Ông M không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí hoặc không phải nộp án phí. Vì vậy, ông M là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn M và bà Nguyễn Kim L.

2. Về con chung: Ông M và bà L có con chung là Trần Văn Khánh, sinh ngày 25/9/1991 và Trần Thị Kiều My, sinh ngày 15/10/1996. Do các con chung đã thành niên nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do ông M không có yêu cầu và bà L không có ý kiến nên ghi nhận và không giải quyết.

4. Về án phí: Buộc ông Trần Văn M chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0009853 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, ông Trần Văn M đã nộp xong án phí. Bà Nguyễn Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn ông Trần Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Kim L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- UBND Phường 1;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Thanh